TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 75/2026/QĐST-HNGĐ	*Hải Phòng, ngày 19 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 131/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026, giữa:

Anh NQD, sinh năm 2001; số căn cước: 031201001990; nơi ĐKNKTT: Số 274/2 A, phường B, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 30/15/81/81 C, phường D, thành phố Hải Phòng và chị CKH, sinh năm 2004; số căn cước: 301304011942; nơi cư trú: Số 8C23 E, phường B, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh NQD và chị CKH.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh NQD và chị CKH xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố Hải Phòng vào ngày 21 tháng 7 năm 2023. Quá trình chung sống, anh NQD và chị CKH phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh NQD và chị CKH thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh NQD và chị CKH có 01 con chung là F, sinh ngày 20/9/2023. Anh NQD và chị CKH cùng thống nhất giao con chung F cho chị CKH được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, anh NQD và chị CKH tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh NQD và chị CKH tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh NQD và chị CKH mỗi người phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 75.000 đồng. Anh NQD tự nguyện nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm. Anh NQD đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004902 ngày 24/4/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Trả lại anh NQD 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 3 - Hải Phòng;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Hải Phòng;
- UBND phường B, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 21/7/2023);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP

THẨM PHÁN

Trần Thị Quỳnh Như